Ký bởi: Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa
Email: sxd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Thời gian ký: 05.11.2015

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2010/QĐ-UBND	*Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định Bảng giá xây dựng các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình – Phần Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình – Phần Lắp đặt hệ thống điện trong công trình, ống và phụ tùng ống, bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị, khai thác nước ngầm;

Căn cứ Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, dự toán chi phí khảo sát xây dựng, dự toán dịch vụ công ích đô thị theo Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung khoản 5 Điều 1 Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày

23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định Bảng giá xây dựng các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

"5. Bảng chi phí hỗ trợ các loại ao đìa, ruộng muối theo Phụ lục 5 đính kèm".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cam Ranh, thành phố Nha Trang, Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng

Phụ lục 5

BẢNG CHI PHÍ HỖ TRỢ CÁC LOẠI AO ĐÌA, RUỘNG MUỐI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Chi phí (đồng/m^2)	Ghi chú
I	**Chi phí nhóm ao đìa khi đầu tư xây dựng bằng máy kết hợp thủ công (đất nhóm II)**			
1	Loại đào đất chuyển đi nơi khác: Diện tích ao đìa ≤ 6.000m^2 và chiều sâu đào đất 1,8m	m^2	24.500	
2	Loại vừa đào đất chuyển đi bỏ, vừa tận dụng đất đào nâng cao bờ: Diện tích ao đìa ≤ 6.000m^2 và chiều sâu đào đất 1,5m.	m^2	16.900	
3	Loại chỉ chuyển đất đến đắp bờ ngăn triều và ủi đất nâng cao bờ: Diện tích ao đìa ≤ 8.000m^2 và chiều sâu đào đất 0,7m.	m^2	13.000	
II	**Chi phí nhóm ao đìa khi đầu tư xây dựng bằng thủ công (đất nhóm II)**			
1	Loại vừa đào đất chuyển đi bỏ, vừa tận dụng đất đào nâng cao bờ: Diện tích ao đìa ≤ 6.000m^2 và chiều sâu đào đất 0,7m.	m^2	34.000	
III	**Ruộng muối (đất nhóm II)**			
1	Loại ruộng muối khi đầu tư xây dựng bằng máy kết hợp thủ công: Diện tích thửa ruộng muối ≤ 8.000m^2	m^2	29.000	

IV. Đối với ao đìa

1. Trường hợp diện tích ao đìa theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này hoặc diện tích ao đìa tăng < 10% (nhỏ hơn mười phần trăm) so với

theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này thì áp dụng như sau:

+ Nếu chiều sâu đào đất tăng hoặc giảm so với theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này < 5% (nhỏ hơn năm phần trăm) thì áp dụng đơn giá trên;

+ Nếu chiều sâu đào đất tăng hoặc giảm so với theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này từ ≥ 5% đến ≤ 10% (lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm đến nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm) thì tăng hoặc giảm đơn giá tương ứng;

+ Nếu chiều sâu đào đất tăng hoặc giảm so với theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này > 10% (lớn hơn mười phần trăm) thì chủ đầu tư lập hồ sơ dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành lập hồ sơ gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trường hợp diện tích ao đìa tăng ≥ 10% (lớn hơn hoặc bằng mười phần trăm) so với theo quy định tại mục I và mục II Phụ lục này thì chủ đầu tư lập hồ sơ dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành lập hồ sơ gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

V. Đối với ruộng muối

1. Trường hợp diên tích ruộng muối tăng so với theo quy định tại mục III Phụ lục này < 5% (nhỏ hơn năm phần trăm) thì áp dụng đơn giá trên.

2. Trường hợp diện tích ruộng muối tăng so với theo quy định tại mục III Phụ lục này từ ≥ 5% đến ≤ 10% (lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm đến nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm) thì tăng đơn giá tương ứng.

3. Trường hợp diện tích ruộng muối tăng so với theo quy định tại mục III Phụ lục này > 10% (lớn hơn mười phần trăm) thì chủ đầu tư lập hồ sơ dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành lập hồ sơ gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

VI. Trường hợp do đặc điểm địa chất của từng khu vực mà nhóm đất khác nhóm II hoặc quy trình thi công xây dựng phải áp dụng các biện pháp khác, thì chủ đầu tư lập hồ sơ dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên ngành lập hồ sơ gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

VII. Trong quá trình áp dụng, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền.